

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/DS-PT

Ngày: 26/02/2025

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
ngõ đi chung và hủy Giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Trần Xuân Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án thụ lý số 604/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt”, do Bản án số 31/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1282/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1947; Địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đức N: Ông Nguyễn Văn T, Luật sư của Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh nam Định (Có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Duy H, sinh năm 1956; Địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Cao Thị N1, sinh năm 1948; Địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị N1: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; Địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (Có mặt).

- Bà Vũ Thị M, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (Có mặt).

- Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Doãn Quang H; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Doãn Quang H: Bà Trần Thị N; Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G (Vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn S - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã G;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn S: Ông Bùi Văn S – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã G (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05-9-2023, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đức N trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của ông Phạm Văn A; Sau này ông A đã chia đất cho 2 người con trai là Phạm Văn M và Phạm Văn T. Năm 1992, ông T chuyển nhượng đất cho ông Lê Duy H. Khoảng đầu năm 1995, gia đình ông M đi Miền Nam định cư, nhà đất để lại không có người trông coi nên gia đình ông H đã tự ý thay đổi mốc giới để lấn chiếm đất thổ nhà ông M để quây vào thổ của mình. Căn cứ vào giấy mua bán chuyển nhượng năm 1992, ông T chuyển nhượng cho ông H với cạnh phía Đông dài 29m, nay đo thực tế dài 30,5m (tăng 1,5m); cạnh phía Tây dài 27m, nay đo thực tế 28,3m (tăng 1,3m). Năm 1996, ông nhận chuyển nhượng đất của ông Phạm Văn M nhưng không đủ với diện tích nhà ông M đã có trước đó. Ông H xây tường bao lấn chiếm ra lối đi vào nhà ông. Theo bản đồ năm 2003, cạnh phía Tây lối đi chung chiều ngang khoảng 3m, sau khi ông H lấn chiếm đoạn đường này có chỗ chỉ còn 1m buộc ông phải mua của ông H chỗ đất bị tụt là 13,5m² đất với giá 5.000.000 đồng mà ông H đã lấn chiếm để có diện tích đường

đi như hiện nay. Nay ông đề nghị Tòa buộc ông H trả lại diện tích đã lấn chiếm ra lối đi vào nhà ông với chiều rộng là 1m, chiều dài 27m theo như bản đồ địa chính; và buộc ông H trả lại diện tích đất đã lấn chiếm phía Bắc (giáp đất ông H) với chiều rộng 1m, chiều dài 28,6m.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, phía bị đơn trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp giống nội dung ông N đã trình bày. Khi ông H nhận chuyển nhượng đất từ ông T, hai bên có nhận mốc giới với ông M (khi đó ông M chưa chuyển nhượng cho ông N). Ông M nói với ông H “sau này ông H có đào bờ tre đi xây tường quây thổ thì để lại 2m giáp đất thổ ông H làm ngõ hai nhà đi chung cho vui”; ông H cũng đồng ý.

Năm 1995 ông H xây nhà. Năm 1996, ông M chuyển nhượng đất cho ông N; khi đó mốc giới giáp ranh với các nhà vẫn còn nguyên như khi ông H nhận chuyển nhượng của ông T. Đầu năm 1997 ông N xây tường bao giáp với thổ nhà ông H và ông N đã tự ý nhô hai cọc ở hai phía Đông, Tây xây sang đất ông H với chiều phía Đông là 30cm, phía Tây xây cổng 3m và xây sang đất ông H 18cm.

Năm 2008, ông H phá bờ tre giáp với thổ đất nhà ông H để xây tường quanh thổ, theo thỏa thuận bằng lời với ông M, ông H đã để lại 2m để làm lối đi vào nhà ông N. Vì đất nhà ông H bị trọc về đất thổ ông H ở phía Tây, giáp thổ ông N trông ngõ vòng vo không đẹp, vào 1/3 cổng nhà ông N nên ông N đã đề nghị ông H bán cho ông N chỗ đất trọc 5.000.000 đồng. UBND xã đã thành lập hội nghị hòa giải và cử đoàn xuống kiểm tra đo đạc thực tế và kết luận ông H đã xây tường đúng và ông H đã đồng ý để lại phần diện tích đó cho ông N và nhận 5.000.000 đồng. Nay đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức N và do diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đức N không khớp với số liệu mua bán đất giữa ông N và ông M năm 1996 nên đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đức N.

Tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện trình bày: Ngày 31/12/2003, ông Nguyễn Đức N được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa số 239, tờ bản đồ 3-PL4, với diện tích là 1540m² trong đó đất ở nông thôn: 345m²; đất trồng cây lâu năm: 910m²; đất nuôi trồng thủy sản: 285m² số giấy chứng nhận Y056177 theo quyết định số 1679/QĐ-UBND; như vậy ông Nguyễn Đức N thuộc diện đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà đợt một;

Tại văn bản ngày 30-01-2024, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đại diện Ủy ban nhân dân xã G trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông M chuyển nhượng cho ông N và ông T chuyển nhượng cho ông H. Tại biên bản chuyển quyền sử dụng đất ngày 26-12-1996 giữa ông M và ông N đã thể hiện đường đi chung của xã hội có rộng 2m dài 27m. Năm 2008, ông H xây tường bao hai bên gia đình đã xảy ra tranh chấp, sau khi được UBND xã hoà giải hai bên gia đình đã nhất trí. Ông H đã thống nhất với ông N để xây tường bao từ đó đến nay (chiều rộng 2m). Số tiền 5.000.000 đồng ông H nhận chuyển nhượng phần đất trọc của nhà ông H cho ông N phần đất này không liên quan đến ngõ đi chung do UBND xã quản lý nên Ủy ban không có ý kiến gì về số tiền 5.000.000 đồng này. Hộ ông H và ông N đã được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định nhiều năm nay, từ đó không nhận chuyển nhượng thêm và chuyển nhượng cho ai; không tranh chấp với các hộ liên kề; vì vậy Đề nghị Tòa án nhân dân huyện G giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ, Ủy ban nhân dân xã G cung cấp: Tại bản đồ 299 năm 1986: Thửa 747 mang tên ông A ông T có diện tích là 880m² trong đó diện tích đất thổ là 360m², còn diện tích đất vườn là 520m². Thửa 745 mang tên ông M chuyển nhượng cho ông N có diện tích là 1296m² trong đó đất thổ là 360m², đất ao là 413m², đất hợp tác xã thổ canh là 523m².

Tại bản đồ năm 2003 tờ số 3 phụ lục IV thửa 238 mang tên ông Lê Duy H có diện tích 805m² trong đó diện tích đất ở là 340m²; diện tích đất vườn là 465m². Còn thửa 239 mang tên ông Nguyễn Đức N có diện tích là 1540m² trong đó diện tích đất ở là 35m², đất vườn là 910m², đất ao là 285m²; có ngõ đi vào đất ông N.

Tại sổ mục kê thể hiện: Tại tờ số 3-IV phụ lục 4 thửa 238 mang tên ông Lê Duy H có diện tích là 805m² trong đó diện tích đất ở là 340m², đất vườn là 465m². Còn thửa số 239 mang tên ông Nguyễn Đức N có diện tích là 1540m² trong đó diện tích đất ở là 345m², đất vườn là 910m², đất ao là 285m².

Kết quả xem xét thẩm định: ông H đã xây tường bao quanh giáp lối đi vào nhà ông N (diện tích đất tranh chấp là 28,16m²); phần đất tiếp giáp giữa đất của 2 gia đình, ông N đã xây dựng tường bao, diện tích đất tranh chấp là 27,56m². Diện tích đất ông H đang sử dụng là 855m², ông N đang sử dụng là 1536m², kết quả định giá tài sản: Giá trị quyền sử dụng đất 9.000.000 đồng/m².

Tại Bản án số 31/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân

dân tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn vào khoản 9, 24 Điều 3, khoản 3 Điều 17, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 34 khoản 1 Điều 228; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức N.

2. Xác định lối đi chung của hộ ông N, ông H, ông H có tứ cận như sau: phía Đông giáp đất ông H; cạnh Tây giáp đất ông H; phía Nam đất ông N; phía Bắc giáp đường quốc lộ 37; xác định ranh giới sử dụng đất giữa ông Lê Duy H và lối đi chung là mặt ngoài bức tường bao do ông H xây dựng kéo dài từ điểm A đến điểm B dài 28,16m (có sơ đồ kèm theo);

3. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông Lê Duy H và hộ ông Nguyễn Đức N là mặt ngoài tường do ông Nguyễn Đức N xây giữa hai nhà kéo dài từ điểm B đến điểm C dài 27,56m (có sơ đồ kèm theo);

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Duy H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 056177 đối với thửa đất 239 tờ bản đồ số 3-IV cấp hộ ông Nguyễn Đức N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/8/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Đức N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận với nhau giải quyết vụ án.

Sau khi trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh luận, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Lê Duy H phải trả lại phần đất lấn chiếm 4m² và phần đất ngõ đi rộng 1m, dài 27m do ông H lấn chiếm và ông N mua của ông H chưa giao trả đất.

Bị đơn Lê Duy H và bà Vũ Thị M đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn C nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi phân tích nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức N làm trong hạn luật định là kháng cáo hợp pháp được chấp nhận để giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt một số đương sự nhưng phiên tòa được mở lần hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện:

Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, ngõ đi chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là có căn cứ và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, trong thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đức N:

[3.1] Hộ ông Nguyễn Đức N và hộ ông Lê Duy H sử dụng các thửa đất liền kề nhau và liền kề với lô đi chung cùng thửa đất nhà ông H tại xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nguồn gốc đất là của ông Phạm Văn A, ông A chia đất cho hai người con là ông Phạm Văn M và Phạm Văn T; ông M sử dụng phần diện tích đất phía trong (giáp ruộng), phần diện tích phía ngoài (giáp đường) do ông T sử dụng. Ngày 09/02/1992, ông T chuyển nhượng 805m² đất cho ông H và năm 2003 ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 805m². Ngày 26/12/1996, ông M chuyển nhượng 1.493m² đất cho ông N, năm

2003, ông N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 1540m².

[3.2] Từ đường quốc lộ 37 đi vào nhà ông N có một lối đi chung liền kề hai bên là nhà ông H, ông H. Trước đây, gia đình ông M, ông H đều sử dụng chung. Tới năm 1996, ông M chuyển nhượng cho ông N thì chỉ có ông N sử dụng. Năm 1997 ông N xây tường phía sau nhà giáp với thổ nhà ông H. Năm 2008, ông H xây tường bao quanh thổ trong đó có phần giáp lối đi chung từ đường quốc lộ 37 đi vào đất nhà ông N. Ông N đã trả cho ông H 5.000.000 đồng mua một phần đất sử dụng, ông N khai mua phần đất có chiều rộng là 1/2m chạy hết ngõ nhưng ông H, bà M không thừa nhận, chỉ thừa nhận mua một phần diện tích đất 13,5m² chỗ thềm.

[3.3] Ông N cho rằng lối đi chung có chiều rộng ra mặt đường quốc lộ 37 là 3m chạy dài đến cổng nhà ông, còn thiếu chiều rộng là 1m, chiều dài 28,6m, diện tích 28,16m²; có tứ cận như sau: phía Bắc giáp đường quốc lộ 37, phía Nam giáp đất ông N, phía Đông giáp đất ông H, phía Tây giáp đất ông H. Tuy nhiên, căn cứ biên bản chuyển nhượng đất giữa ông N và ông M có ghi “riêng con đường từ đường 56 vào thổ ông N dài 27m, rộng 2m” là đất ngõ; căn cứ Sơ đồ khảo sát thực địa do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G thực hiện ngày 08-12-2023 và kết quả xem xét thẩm định cho thấy: ông N sử dụng thửa đất từ thời gian nhận chuyển nhượng của ông M cho tới nay. Ông H đã xây tường bao tiếp giáp lối đi chung với nhà ông N từ năm 2008; Trong quá trình ông H xây tường bao ông N đã trả cho ông H 5.000.000 đồng để ông H nhượng lại một phần đất (13,5 m²), để khi ông H xây tường bao không vướng phía trước cổng nhà ông N; như vậy trong quá trình ông H xây dựng tường bao tiếp giáp với ngõ đi chung các hộ liền kề đều đã nhất trí với ranh giới giữa diện tích đất nhà ông H với ngõ đi chung, trên thực tế các hộ liền kề đã sử dụng ổn định từ năm 2008 đến năm 2021 mới phát sinh mâu thuẫn; đại diện cơ quan quản lý đất đai UBND xã G cũng khẳng định hộ ông H và ông N đã được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định nhiều năm nay, từ đó không nhận chuyển nhượng thêm và không chuyển nhượng cho ai; không tranh chấp với các hộ liền kề và không có yêu cầu gì đối với ông H; ông N không đưa ra được chứng cứ ngõ rộng 3m. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N về việc ông H lấn chiếm ngõ đi chung là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định lối đi chung của hộ ông N, ông H, ông H có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông H dài 28,16m; cạnh Tây giáp đất

ông H nhiều đoạn không thẳng; phía Nam đất ông N rộng 2,9m; phía Bắc giáp đường quốc lộ 37 rộng 1,99m; ranh giới lối đi chung vào đất nhà ông N là mặt ngoài bức tường bao do ông H xây dựng là có căn cứ.

[3.4] Năm 1996, ông N nhận chuyển nhượng đất từ ông M. Đến năm 1997, ông N đã tự xây dựng tường bao ngăn cách giữa đất nhà ông H và ông N làm ranh giới giữa hai thửa đất. Từ đó tới nay, hai gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp về ranh giới; do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông N buộc ông H trả lại 27,7 m² đất cho rằng bị lấn chiếm là đúng pháp luật.

[3.5] Đối với yêu cầu của ông Lê Duy H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Đức N: Bản án sơ thẩm đã tuyên bác yêu cầu này của ông Lê Duy H, ông H không kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Đức N khai không có kháng cáo phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải nộp lệ phí xem xét thẩm định và định giá là đúng pháp luật.

[4] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án dân sự theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đức N là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đã xem xét, đánh giá toàn diện yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu của bị đơn và giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp các quy định của pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nhưng nguyên đơn ông Nguyễn Đức N là người cao tuổi nên cần miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức N và giữ nguyên quyết định của Bản án số 31/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Đức N.

3. Các quyết định khác của Bản án số 31/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng